TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-8-2026.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Hạnh;

2. Ông Nguyễn Phú Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 929/2026/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phan Thị Mộng H, sinh năm 1998; số căn cước công dân: 072198000142, cấp ngày 21-6-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; cư trú tại: ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Quang D, sinh năm 2000; số căn cước công dân: 07220000167, cấp ngày 12-8-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; hiện đang chấp hành án tại Trại giam C – Cục C1, Bộ C2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Mộng H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Quang D chung sống với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 13-10-2022, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng năm 2024 xảy ra mâu thuẫn do anh D nghiện ma túy, chị khuyên nhủ nhưng anh D không cai nghiện nên chị yêu cầu anh D về nhà cha mẹ

ruột của anh D sống, đến tháng 11-2024 anh D cầm dao xuống nhà và hăm dọa giết chị nếu chị không cho anh D về sống cùng, chị phải năn nỉ thì anh D mới buông tha cho chị. Đến tháng 2-2025 anh D bị bắt tạm giam và hiện đang chấp hành án tù tại Trại giam C. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị không liên lạc với anh D để hòa giải đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: chị và anh D không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 7 năm 2026, bị đơn anh Nguyễn Quang D trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị H chung sống với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 xảy ra mâu thuẫn do anh nghiện ma túy, chị H khuyên nhủ nhưng anh không cai nghiện, nên anh về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với chị H. Sau đó, anh bị bắt và bị kết án tù về tội Cướp giật tài sản, hiện đang chấp hành án tại Trại giam C. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

** Chị H và anh D có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025) và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh D.

+ Về quan hệ hôn nhân: chị H được ly hôn với anh D.

+ Về nuôi con chung: không có.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: chị H và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh D.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D có địa chỉ tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025), Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị H và anh D chung sống với nhau vào tháng 9 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh), Giấy chứng nhận kết hôn số 84, ngày 17-02-2023 (bút lục số 03). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H nhận thấy: anh D thừa nhận thời gian chung sống với chị H vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghiện ma túy, chị H khuyên nhủ nhưng anh không cai nghiện và từ năm 2024 đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau, hiện tại anh cũng đang chấp hành án phạt tù về tội Cướp tài sản, nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh D.

[2.2] Về nuôi con chung: chị H và anh D không có con chung, nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025) và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mộng H đối với anh Nguyễn Quang D.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Mộng H được ly hôn với anh Nguyễn Quang D.

- Về nuôi con chung: không có.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị Phan Thị Mộng H và anh Nguyễn Quang D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Mộng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014016 ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: chị H và anh D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- UBND xã Tân Biên (xã Thạnh Tây cũ, Giấy CNKH số 84/2022, ngày 13-10-2022);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy